

## Ôn thi vào 10

### Về bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" của bà Huyện Thanh Quan

#### BÀI LÀM

Trong nền văn học Việt Nam trung đại, số nữ sĩ còn đứng lại với thời gian không phải là nhiều. Chúng ta thường nhắc đến 3 gương mặt tiêu biểu là Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương và Bà huyện Thanh Quan. Ba nữ sĩ này, mỗi người một vẻ, mỗi người có một đóng góp riêng cho thơ văn nước nhà. Trong 3 nữ sĩ đó, Bà huyện Thanh Quan khiêm nhường đứng riêng một chiếu với chùm thơ khoảng 5 - 6 bài (có bài vẫn còn gây tranh cãi, bị xem là của nhà thơ khác) trong đó thường được nhắc đến hơn cả là bài thơ Chiều hôm nhớ nhà. Bài thơ Nôm Đường luật này diễn tả nỗi nhớ nhà của người nữ sĩ khi cô đơn thân gái dặm trường:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn  
Tiếng ốc xa đưa vẳng trống đồn  
Gác mái ngư ông về viễn phố  
Gõ sừng mục tử lại cô thôn  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn  
Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

Bài thơ đưa chúng ta vào một không - thời gian tưởng như cụ thể nhưng lại khá mơ hồ. Thời điểm “trời chiều” được cụ thể hoá trong sự “bằng lặng” của “bóng hoàng hôn” mang đến cho ta một buổi chiều như bao buổi chiều khác trong thơ ca xưa. Có nỗi nhớ của người con xa quê:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau  
Trông về quê  
mẹ ruột đau chín chiều (Ca dao)

Buồn trông cửa bể chiều hôm  
Thuyền ai thấp  
thoáng cánh buồm xa xa (Truyện Kiều)

Câu phá đề gợi cho ta một cảm giác mệt mỏi và chậm rãi của thời gian ban chiều, một thời điểm mang tính ám ảnh văn hoá trong thơ xưa. Câu thơ bắt đầu bằng “trời chiều” và khép lại bằng “bóng hoàng hôn” như muốn hắt cả ánh vàng của nắng chiều lên con người và cảnh vật. Thời điểm chiều hôm là lúc con người trở về sum họp, quây quần cùng gia đình nhưng dường như nhân vật trữ tình trong bài thơ vẫn tạm nghỉ chân trên hành trình xa xôi và vắng vẻ. Ở không gian đó con người có thể nghe thấy “tiếng ốc xa đưa” và tiếng “vẳng trông đôn”. Những âm thanh này vốn không xa lạ nhưng khi đặt vào khung cảnh đất khách quê người thì lại gợi lên sự băng khuâng, se buồn trong lòng người lữ khách. Hai

âm thanh đan quyện vào nhau như muốn báo hiệu sự vội vã của thời gian đang đổ dồn về tới. Thời điểm “trời chiều” cùng sự báo hiệu của tiếng ốc và tiếng trống sẽ làm nền cho hai câu thực:

Gác mái ngư ông về viễn phố  
Gõ sừng mục tử lại cô thôn

Đến hai câu thơ này ta mới thấy hiện ra một cách rõ nét hơn những mã nghệ thuật của thơ ca nhà nho xưa (dù Nguyễn Thị Hinh có là một nữ sĩ nhưng khi sáng tác bà vẫn chịu ảnh hưởng của quan niệm văn học Nho gia). Xuân Diệu đã từng gọi bà là “Bà chúa hoàng hôn”. Đọc hai câu thực chúng ta sẽ cảm nhận rõ hơn lời khen ngợi của “nhà thơ mới nhất trong phong trào Thơ mới”. Vẫn là hình tượng quen thuộc của ngư ông và mục tử (trong bộ tứ “ngư - tiều - canh - mục”) trong thơ xưa, vẫn là động tác “gác mái”, “gõ sừng” ấy gắn liền với hai biểu tượng này. Nó nhắc ta nhớ tới những câu thơ như:

Ngư lão buông câu ngồi mép bến  
Mục đồng té nước tắm đầu sông

hay:

Viễn tự chung thanh thoi khách bộ

## Mục đồng xung địch dẫn ngư qui

Nhà nho xưa quan niệm giống nhau về một cuộc sống thanh sạch gắn với nông thôn và thiên nhiên trong các nghề ngư - tiều - canh - mục. Đó là những hình ảnh đẹp mãi có sức cuốn hút đối với họ. Nó mang âm hưởng từ những vần thơ từ xa lắm, tận thời Đường ở bên Tàu với những:

Cô chu soa lạp ông  
Độc điều hàn giang tuyệt  
(Liễu Tông Nguyên)

hay:

Tá vấn tửu gia hà xứ hữu  
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn  
(Đỗ Mục)

Tuy nhiên giữa mảng lưới văn hoá đầy hình tượng, điển tích... đó cái còn lại của Thanh Quan là gì? Đó có phải là cách dùng những từ Hán Việt “ngư ông”, “viễn phố”, “mục đồng”, “cô thôn” tạo cho bài thơ sự trang trọng và cổ kính đầy hấp dẫn? Điều này chỉ đúng một phần. Cái còn lại của dòng thơ, dấu ấn của Thanh Quan chính là ở hai tiếng “cô”, “viễn” tưởng như vô tình nhà thơ đặt theo niêm luật đăng đối ở tiếng thứ 6 của hai câu thực. Nhà thơ đâu có biết “ngư ông” và “mục tử” nghĩ gì và cũng

đâu có biết họ đi về đâu. Với cái nhìn đầy màu sắc chủ quan, nhân vật trữ tình đã phổ cảm xúc của mình vào hai hình tượng đó. Con người lẻ loi trên hành trình thiên lý tự dừng lại cảm nhận về cảnh vật quanh mình như cảm nhận về thân phận của mình, thấy chúng cũng trở nên “cô”, “viễn” như thường. Chúng ta lại nhớ tới cảm xúc của người chinh phụ cô đơn ngồi trong đêm vắng tủi buồn với cả trăng - hoa vô tri, vô giác:

Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm  
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông  
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng  
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau.

Dấu ấn chủ quan của nhân vật trữ tình thoáng hiện ra rồi lại chìm khuất đi giữa mịt mù thiên nhiên:

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Sự tương phản trong bức tranh thơ gợi lên một chút gì nhỏ nhoi mà yếu đuối của cánh chim và hình ảnh người khách giữa chiều tà. Vẫn là “ngàn mai” ấy, ngàn mai từng nở trắng trong thơ xưa (Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ - Chinh phụ ngâm) nhưng đặt cạnh hình ảnh “gió cuốn” đã gợi lên sự rộng lớn của không gian như muốn nuốt chìm cánh chim nhỏ

nhoi vào trong đó, như cánh “chim hôm thoi thót về rừng” trong Truyện Kiều và xa hơn nữa là hình ảnh:

Chúng điều cao phi tận  
Cô vân độc khứ nhàn

trong thơ Lí Bạch xưa. Con người luôn thấy nhỏ bé trước thiên nhiên. Đứng trước thiên nhiên, người xưa muốn mình là một tiểu vũ trụ cố gắng hoà hợp (và cả hoà tan) vào trong đại khối, đại vũ trụ vô cùng đang bao bọc quanh mình. Người “khách” đang “bước dôn” qua “dặm liễu” kia liệu lòng có còn thối ám ảnh về:

Tóc ai trao chữa bạc màu  
Liễu ai bẻ tặng bên cầu còn tươi  
(Nguyễn Bính)

hay điển tích “Bá kiêu chiết liễu” cùng hình ảnh “Hoa dương sâu sát độ giang nhân” (Trịnh Cốc) hay kí ức về:

Sông Tần một dải xanh xanh  
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương quan

ở chốn quê nhà, nơi ly biệt, lưu luyến người thân mà “Tiễn đưa một chén

quan hà - Xuân đình thoát đã dạo ra Cao đình” (Truyện Kiều). Con người - nhân vật trữ tình (hay là một dạng phân thân của hình tượng này: “khách”) - như muốn giấu mình đi. Đó là đặc trưng phi ngã, vô ngã của thơ ca trung đại. Con người không xuất hiện trong vai trò cá nhân. Nó chỉ thể hiện mình trong các mối quan hệ cộng đồng, làng xóm, họ mạc, gia đình. Con người có khi là “khách” trên chính quê hương mình như trong thơ Hạ Tri Chương:

Nhi đồng tương kiến bất tương thức

Tiểu vấn: Khách tòng hà xứ lai?

hay trở thành “Cần khôn nhất hủ nho” hoặc “Giang Hán tư quy khách” trong thơ Đỗ Phủ. Sự đơn chiếc, cô lẻ đã thấm sâu trong nó một nỗi buồn khôn tả. Nhịp “bước dồn” chỉ là vẻ bề ngoài che đi nỗi lòng nặng trĩu ưu tư của nhân vật trữ tình. Tình cảm được dồn nén và bật ra thành câu hỏi:

Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

Thơ ca nhà nho xưa thường hướng tới các vấn đề thế sự, đạo lý, hay than thở về thế đạo nhân tâm, tránh nói đến tình cảm cá nhân riêng tư trong đời sống thường ngày. Tuy nhiên thơ ca nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu

thế kỷ XIX mang trong nó sắc thái chủ tình rõ rệt, chủ trương bày tỏ những cảm xúc vốn bị đạo đức Nho giáo chế ngự bấy lâu nay. Có lẽ tiếng nói tiên khu mang tính tiên phong của Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương... đã là tiền đề cho hai câu kết này. Qua điển tích “Chương Đài” cùng cặp đại từ nhân xưng “người - kẻ” chúng ta có thể thấy người mà nhân vật trữ tình hướng tới là nửa kia của mình. Câu chuyện về bài thơ “Chương Đài liễu, Chương Đài liễu - Tích nhật thanh thanh kim tại phủ? - Túng sử trường điều tự cự thủy - Giả ung phan chiết tha nhân thủ” còn đó như minh chứng cho khao khát đoàn viên, sống trong hạnh phúc lứa đôi của người lữ thứ. Chính vì cảnh lữ thứ mà khát khao mong gặp người chia sẻ, “kể nỗi hàn ôn” càng da diết hơn. Nhu cầu sẻ chia đó vẫn thường trực trong mỗi con người tự ngàn xưa.

Bài thơ gói gọn trong thể Đường luật thất ngôn bát cú nhưng nó đã nói được tiếng lòng của người nữ sĩ. Cảm giác nhớ nhà của con người khi “Lòng còn gửi áng mây vàng” (Truyện Kiều) là điều dễ hiểu. Trong không gian tha hương thời trung đại, con người thấy lẻ loi, yếu đuối khi bị bứt ra khỏi không gian quê nhà quen thuộc nên chỉ ra khỏi nhà mười dặm đã có cảm giác “lữ thứ, hoàng hoa” là thế. Đó không chỉ là một mã nghệ thuật mà còn phản ánh một phần sự thực của tâm trạng con người.